

THÔNG BÁO

Về việc xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học ĐH, CĐSP hệ chính quy (Đợt 2 - theo phương thức sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2019)

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án và Kế hoạch tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2019 của Trường Đại học An Giang;

Căn cứ kết quả xét tuyển đại học, cao đẳng sư phạm hệ chính quy đối với phương thức sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2019 và tình hình thực tế;

Trường Đại học An Giang thông báo hướng dẫn thí sinh trúng tuyển **xác nhận nhập học** và **nộp hồ sơ nhập học** các ngành đại học, cao đẳng sư phạm hệ chính quy đợt 2 (theo phương thức sử dụng điểm thi THPT quốc gia năm 2019). Cụ thể như sau:

1. Xác nhận nhập học

a. Hồ sơ xác nhận nhập học gồm:

- (1) Bản chính chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2019;
- (2) Bản sao công chứng Chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2019) hoặc bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2017 và 2018).

b. Thời gian xác nhận nhập học: Từ ngày ra thông báo đến 17g00 ngày 15/8/2019;

c. Địa điểm nộp hồ sơ xác nhận nhập học: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng – Trường Đại học An Giang; Địa chỉ: Số 18 Ung Văn Khiêm, P.Đông Xuyên, Tp.Long Xuyên, T. An Giang; Điện thoại: 02963 847567 hoặc 0794 222245.

* **Ghi chú:** Sau khi xác nhận nhập học, thí sinh sẽ nhận Giấy báo nhập học (tại địa điểm trên) để nộp hồ sơ nhập học theo hướng dẫn ở Mục 2 của Thông báo này.

2. Nộp hồ sơ nhập học

a. Hồ sơ nhập học: Thí sinh trúng tuyển cần nộp bản sao hợp lệ (mang theo bản chính để đối chiếu khi cần) các loại giấy tờ sau:

- (1) Học bạ THPT;
- (2) Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời đối với người tốt nghiệp THPT năm 2019 hoặc bằng tốt nghiệp THPT đối với người đã tốt nghiệp THPT năm 2017 hoặc 2018;
- (3) Giấy khai sinh hoặc trích lục giấy khai sinh;
- (4) Các minh chứng để được hưởng chế độ “đối tượng ưu tiên” theo quy định ở quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có);

(5) Sổ hộ khẩu thường trú.

(6) Giấy báo nhập học (**bản chính**).

b. Học phí và các khoản phải nộp:

– **Học phí:** Mức học phí tùy theo ngành đào tạo, cụ thể theo bảng mức học phí đính kèm.

– **Các khoản phải nộp khác: 783.220 đồng.** Trong đó: Bảo hiểm y tế: 563.220 đồng, Bảo hiểm tai nạn: 120.000 đồng, Phí khám sức khỏe: 100.000 đồng.

Ghi chú: Thí sinh thuộc diện miễn, giảm học phí (các ngành ngoài sư phạm) hoặc các khoản thu khác vẫn phải nộp theo mức trên đây. Nhà trường sẽ xem xét, hoàn lại nếu đúng đối tượng.

c. Thời gian nộp: Từ ngày 09/8/2019 đến 17g00 ngày 23/8/2019.

d. Địa điểm nộp: Phòng Đào tạo – Trường Đại học An Giang; Địa chỉ: Số 18 Ung Văn Khiêm, P.Đông Xuyên, Tp.Long Xuyên, T. An Giang; Điện thoại: 02963 846074.

3. Các vấn đề thí sinh cần lưu ý

– Để tránh việc phải đi lại nhiều lần, thí sinh cần lưu ý chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo hướng dẫn ở trên để vừa xác nhận nhập học vừa nộp hồ sơ nhập học.

– Thí sinh cần hỗ trợ các vấn đề có liên quan đến việc xác nhận nhập học và nộp hồ sơ nhập học có thể liên hệ theo các thông tin liên lạc ở trên. /.

Nơi nhận:

- HĐ Tuyển sinh;
- Website ĐHAG;
- Lưu: VT, ĐT, KT&ĐBCL.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS Võ Văn Thắng

MỨC HỌC PHÍ THEO NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2019-2020
(Kèm theo Thông báo số 1044/TB-ĐHAG ngày 08/8/2019)

Mã ngành	Tên ngành	Lớp	Số tín chỉ	Đơn giá	Học phí
7340101	Quản trị kinh doanh	DH20QT	17	263.000	4.471.000
7340115	Marketing	DH20MK	17	263.000	4.471.000
7340201	Tài chính-Ngân hàng	DH20NH	17	263.000	4.471.000
7340301	Kế toán	DH20KT	17	263.000	4.471.000
7380101	Luật	DH20LU	17	263.000	4.471.000
7420201	Công nghệ sinh học	DH20SH	16	314.000	5.024.000
7420203	Sinh học ứng dụng	DH20SD	16	314.000	5.024.000
7440112	Hóa học	DH20HO	17	314.000	5.338.000
7460112	Toán ứng dụng	DH20TU	16	314.000	5.024.000
7480103	Kỹ thuật phần mềm	DH20PM	17	314.000	5.338.000
7480201	Công nghệ thông tin	DH20TH	17	314.000	5.338.000
7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	DH20MT	16	314.000	5.024.000
7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	DH20KH	17	314.000	5.338.000
7540101	Công nghệ thực phẩm	DH20TP	16	314.000	5.024.000
7620105	Chăn nuôi	DH20CN	17	263.000	4.471.000
7620110	Khoa học cây trồng	DH20TT	16	263.000	4.208.000
7620112	Bảo vệ thực vật	DH20BT	16	263.000	4.208.000
7620116	Phát triển nông thôn	DH20PN	17	263.000	4.471.000
7620301	Nuôi trồng thủy sản	DH20TS	19	263.000	4.997.000
7310630	Việt Nam học	DH20VN	18	314.000	5.652.000
7220201	Ngôn ngữ Anh	DH20TA	18	263.000	4.734.000
7229030	Văn học	DH20VH	13	263.000	3.419.000
7310106	Kinh tế quốc tế	DH20KQ	17	263.000	4.471.000
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	DH20QM	19	314.000	5.966.000
7229001	Triết học	DH20TR	16	263.000	4.208.000

Ghi chú: Các ngành đào tạo giáo viên được miễn học phí theo quy định hiện hành. / 